

**TOÀ ÁN NHÂN DÂN
HUYỆN YÊN LẠC
TỈNH VĨNH PHÚC**

**CỘNG HOÀ XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
Độc lập - Tự do - Hạnh phúc**

Bản án số: 29/2022/HNGĐ-ST

Ngày: 18/8/2022

V/v tranh chấp: “Ly hôn, con chung”

**NHÂN DANH
NƯỚC CỘNG HOÀ XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
TOÀ ÁN NHÂN DÂN HUYỆN YÊN LẠC - TỈNH VĨNH PHÚC**

- Thành phần Hội đồng xét xử sơ thẩm gồm có:

Thẩm phán - Chủ tọa phiên toà: Ông Nguyễn Duy Hưng.

Các Hội thẩm nhân dân: Ông Đỗ Hồng Phúc và ông Đoàn Văn Đoan

- Thư ký phiên toà: Bà Đặng Thị Thúy - Thư ký Toà án nhân dân huyện Yên Lạc, tỉnh Vĩnh Phúc.

- Đại diện Viện kiểm sát nhân dân huyện Yên Lạc, tỉnh Vĩnh Phúc tham gia phiên toà: Ông Đào Xuân Hiếu - Kiểm sát viên.

Ngày 18 tháng 8 năm 2022, tại trụ sở Tòa án nhân dân huyện Yên Lạc, tỉnh Vĩnh Phúc, mở phiên tòa xét xử sơ thẩm công khai vụ án Hôn nhân gia đình thụ lý số 71/2022/TLST-HNGĐ ngày 01 tháng 4 năm 2022, theo Quyết định đưa vụ án ra xét xử số: 34/2022/QĐST-HNGĐ ngày 11 tháng 7 năm 2022, giữa các đương sự:

* Nguyên đơn: Chị Trần Thị T, sinh năm 1982. Có mặt

Địa chỉ: Thôn Đ, xã ĐV, huyện Yên Lạc, tỉnh Vĩnh Phúc

* Bị đơn: Anh Trần Văn Q, sinh năm 1973. Vắng mặt

Địa chỉ: Thôn T, xã V, huyện Yên Lạc, tỉnh Vĩnh Phúc.

NỘI DUNG VỤ ÁN:

* Theo đơn khởi kiện đề ngày 04/3/2022, bản tự khai, quá trình giải quyết nguyên đơn chị Trần Thị T trình bày:

Chị và anh Trần Văn Q đăng ký kết hôn với nhau ngày 05/5/2005 tại Ủy ban nhân dân xã V, trước khi kết hôn anh chị được tự do tìm hiểu và đã chung sống cùng nhau như vợ chồng (Gia đình hai bên đã tổ chức cưới cho vợ chồng chị ngày 20/2/2004. Sau khi cưới anh chị chung sống cùng với bố mẹ đẻ anh Q tại xã V, huyện Yên Lạc, tỉnh Vĩnh Phúc. Sau khi chị sinh con thì anh vào miền Nam sinh sống, được một thời gian anh có về nhà ở cùng mẹ con chị thì chị phát hiện anh nghiện heroin (ma túy) chị khuyên bảo anh không nghe nên vợ chồng phát sinh mâu thuẫn, do vợ chồng bất đồng quan điểm sống, lối sống nên ngày 05/01/2008 âm lịch chị đã đưa hai con về nhà bố mẹ đẻ chị tại xã ĐV, huyện Yên Lạc và vợ chồng sống ly thân nhau cho đến nay. Trong thời gian vợ chồng sống ly thân chị được biết anh Q vẫn chung sống cùng bố mẹ đẻ anh tại xã V. Nay chị xác định

tình cảm vợ chồng không còn nên chị đề nghị xin được ly hôn anh Q.

Về con chung: Vợ chồng có hai con chung là Trần T1 sinh ngày 28/8/2005 và Trần Duy M sinh ngày 15/01/2007. Trong thời gian ly thân anh Q không quan tâm, hỏi han hay đưa tiền cho chị để nuôi dưỡng các cháu, một mình chị đứng ra nuôi hai cháu từ khi hai vợ chồng ly thân nhau cho đến nay. Hiện nay hai cháu đang ở cùng chị, ly hôn chị xin nuôi cả hai con chung và không yêu cầu anh Q cấp dưỡng nuôi con.

Hiện nay chị đang đi phục vụ nấu ăn cho nhân viên Công ty Fortech tại Hà Nội thu nhập 10.000.000 đồng/tháng nên đủ điều kiện đảm bảo nuôi dưỡng hai cháu đến khi trưởng thành.

Về tài sản chung, tài sản riêng: Chị không đề nghị Tòa án giải quyết.

Về vay nợ, công sức, đất canh tác: Chị không đề nghị Tòa án giải quyết.

* Tòa án đã làm các thủ tục triệu tập hợp lệ nhưng anh Q vẫn vắng mặt không có lý do nên không có ý kiến trình bày.

* Xác minh tại xã V thể hiện: Chị Trần Thị T và anh Trần Văn Q kết hôn với nhau trên cơ sở tự nguyện, có đăng ký tại UBND xã V, huyện Yên Lạc, tỉnh Vĩnh Phúc vào ngày 05 tháng 5 năm 2005. Sau khi kết hôn, chị T về nhà anh Q làm dâu và sinh sống được một thời gian thì hai anh chị vào miền Nam làm ăn kinh tế, đến cuối năm 2007 chị T về địa phương sinh sống, làm việc còn anh Q vẫn làm trong miền Nam. Khoảng năm 2008 thì chị T cùng hai người con đã về nhà bố mẹ đẻ của chị tại xã ĐV sinh sống. Quá trình chung sống giữa chị T và anh Q có mâu thuẫn gì hay không địa phương không nắm rõ. Tuy nhiên theo thông tin thì do anh Q là người ham chơi, không quan tâm đến gia đình mặc dù gia đình có hoàn cảnh khó khăn. Anh Q vẫn thường xuyên về nhà ở cùng bố mẹ đẻ anh Q tại thôn T, xã V.

Về con chung: Anh, chị có 02 người con là Trần T1, sinh ngày 28/8/2005 và Trần Duy M sinh ngày 15/01/2007. Hiện các cháu đang sinh sống cùng chị T.

Kiểm sát viên tham gia phiên tòa phát biểu ý kiến về việc tuân theo pháp luật tố tụng của Thẩm phán, Hội đồng xét xử, Thư ký phiên tòa, nguyên đơn trong quá trình giải quyết vụ án, kể từ khi thụ lý cho đến trước thời điểm Hội đồng xét xử nghị án đều thực hiện đúng quy định, bị đơn không đến Tòa án để làm việc. Đề nghị Hội đồng xét xử áp dụng: Điều 51, 56, 81, 82, 83 Luật Hôn nhân và gia đình năm 2014; khoản 4 Điều 147 Bộ luật tố tụng dân sự; Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH14 ngày 30/12/2016 của Ủy ban thường vụ Quốc hội quy định về mức thu, miễn, giảm, thu, nộp quản lý và sử dụng án phí và lệ phí Tòa án: Về quan hệ vợ chồng: Chấp nhận yêu cầu xin ly hôn của chị Trần Thị T, xử cho chị Trần Thị T ly hôn anh Trần Văn Q; Về con chung: Chị Trần Thị T trực tiếp nuôi dưỡng, chăm sóc cháu Trần T1, sinh ngày 28/8/2005 và Trần Duy M sinh ngày 15/01/2007. Anh Q không phải đóng góp nuôi con chung; Về án phí: Chị T phải chịu án phí Hôn nhân gia đình theo quy định.

NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN:

Sau khi nghiên cứu các tài liệu có trong hồ sơ vụ án đã được thẩm tra công khai tại phiên toà, trên cơ sở xem xét đầy đủ, toàn diện chứng cứ, ý kiến của các đương sự, Hội đồng xét xử nhận định:

[1] Về thủ tục tố tụng: Chị T có đơn khởi kiện đề nghị Tòa án nhân dân huyện Yên Lạc giải quyết vụ án hôn nhân và gia đình, anh Q hiện trú tại Thôn T, xã V, huyện Yên Lạc, tỉnh Vĩnh Phúc. Do vậy, vụ án thuộc thẩm quyền giải quyết của Tòa án nhân dân huyện Yên Lạc theo quy định tại khoản 1 Điều 28, điểm a khoản 1 Điều 35 Bộ luật tố tụng dân sự.

Tòa án đã tiến hành triệu tập hợp lệ đối với anh Trần Văn Q nhưng anh Q vẫn không đến Tòa án để làm việc. Căn cứ điểm b khoản 2 Điều 227 Bộ luật Tố tụng dân sự, Tòa án tiếp tục đưa vụ án ra xét xử.

[2] Về nội dung:

Về quan hệ tình cảm vợ chồng: Chị Trần Thị T và anh Trần Văn Q được tự do tìm hiểu và có đăng ký kết hôn tại UBND xã V, huyện Yên Lạc, tỉnh Vĩnh Phúc, đây là cuộc hôn nhân hợp pháp. Theo trình bày của chị T thì quá trình chung sống, đến năm 2006 giữa anh Q và chị T phát sinh mâu thuẫn nguyên nhân là do chị phát hiện anh Q có sử dụng ma túy, chị đã nhiều lần khuyên anh từ bỏ nhưng không được. Đến tháng 02/2008 anh chị đã sống ly thân, chị và hai con về sống cùng bố mẹ chị. Xét thấy, thời gian anh chị sống ly thân đã rất lâu, từ khi sống ly thân đến khi Tòa án giải quyết, xét xử, giữa hai bên không có sự quan tâm, hàn gắn tình cảm với nhau nữa. Quá trình giải quyết vụ án Tòa án đã triệu tập anh Q nhiều lần, nhưng anh Q vẫn không hợp tác và không đến Tòa án làm việc, thể hiện anh Q không quan tâm đến hôn nhân hiện tại. Do đó, hôn nhân của chị T và anh Q đã lâm vào tình trạng trầm trọng, đời sống chung không thể kéo dài, mục đích hôn nhân không đạt được nên cần chấp nhận yêu cầu của chị T, cho chị T ly hôn anh Q là phù hợp.

Về con chung: Chị T và anh Q có hai người con chung là Trần T1 sinh ngày 28/8/2005 và Trần Duy M sinh ngày 15/01/2007. Xét điều kiện của chị T, anh Q cũng như nguyện vọng của các con thấy rằng: Hiện tại chị T có công việc và thu nhập ổn định, anh Q đã lâu không quan tâm chăm sóc đến các con. Nguyện vọng của hai cháu cũng muốn ở cùng chị T. Do vậy, cần giao cho chị T tiếp tục nuôi dưỡng và chăm sóc hai cháu. Anh Q không phải cấp dưỡng tiền nuôi con và được quyền đi lại chăm sóc con chung không ai được cản trở là phù hợp quy định tại Điều 81, 82, 83 Luật Hôn nhân và gia đình.

Về tài sản chung, nợ chung, công sức: Chị T không yêu cầu Tòa án giải quyết, quá trình giải quyết vụ án anh Q vắng mặt nên không có ý kiến, vì vậy Hội đồng xét xử không xem xét giải quyết trong vụ án này mà sẽ xem xét giải quyết bằng một vụ án khác khi có yêu cầu của đương sự.

[3] Về án phí: Chị T xin ly hôn nên phải chịu án phí hôn nhân và gia đình sơ thẩm theo quy định của pháp luật.

[4]. Về quyền kháng cáo: Các đương sự có quyền kháng cáo bản án theo quy định của pháp luật.

[5]. Ý kiến của đại diện Viện kiểm sát nhân dân huyện Yên Lạc về việc giải quyết vụ án phù hợp với nhận định của Hội đồng xét xử nên được chấp nhận.

Vì các lẽ trên,

QUYẾT ĐỊNH:

Căn cứ các Điều 51, 56, 57, 58, 81, 82, 83 Luật Hôn nhân và gia đình năm 2014; khoản 4 Điều 147 Bộ luật tố tụng dân sự; Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH14 ngày 30/12/2016 của Ủy ban thường vụ Quốc hội quy định về mức thu, miễn, giảm, thu, nộp quản lý và sử dụng án phí và lệ phí Tòa án.

Tuyên xử:

1. *Về quan hệ vợ chồng*: Cho chị Trần Thị T được ly hôn anh Trần Văn Q.

2. *Về con chung*: Giao cho chị Trần Thị T trực tiếp nuôi dưỡng, chăm sóc hai con chung là Trần T1 sinh ngày 28/8/2005 và Trần Duy M, sinh ngày 15/01/2007. Anh Q không phải cấp dưỡng tiền nuôi con và được quyền đi lại chăm sóc con chung không ai được cản trở.

3. *Về án phí*: Chị Trần Thị T phải chịu 300.000 đồng án phí Hôn nhân và gia đình sơ thẩm nhưng được trừ vào số tiền 300.000 đồng tiền tạm ứng án phí đã nộp theo biên lai thu số: 0001225 ngày 01 tháng 4 năm 2022 của Chi cục Thi hành án dân sự huyện Yên Lạc. Chị T đã thực hiện xong án phí.

4. *Về quyền kháng cáo*: Chị Trần Thị T có quyền kháng cáo bản án trong thời hạn 15 ngày kể từ ngày tuyên án, anh Trần Văn Q có quyền kháng cáo bản án trong thời hạn 15 ngày kể từ ngày nhận được bản án hoặc bản án được niêm yết./.

Nơi nhận:

- Đương sự;
- TAND tỉnh Vĩnh Phúc;
- VKSND huyện Yên Lạc;
- VKSND tỉnh Vĩnh Phúc;
- Chi cục THADS huyện Yên Lạc;
- Sở tư pháp tỉnh Vĩnh Phúc;
- UBND xã V;
- Lưu HS, VP.

**TM. HỘI ĐỒNG XÉT XỬ SƠ THẨM
THẨM PHÁN - CHỦ TỌA PHIÊN TÒA**

Nguyễn Duy Hưng

